TIẾNG VIỆT

**NGHE – VIẾT: TIẾNG VÕNG KÊU**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nghe (thầy, cô) đọc, viết lại chính xác khổ thơ 3 và 4 bài thơ *Tiếng võng kêu*. Qua bài chính tả, củng cố cách trình bày bài thơ 4 chữ: chữ đầu mỗi dòng thơ viết hoa, lùi vào 3 ô. Làm đúng BT chọn chữ **s/ x**, vần **âc/ ât**.

- **Năng lực chung**: tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác.

**- Phẩm chất:** Rèn cho HS tính kiên nhẫn, cẩn thận.

*\* HSKT: Viết được một số từ đơn giản đã học.*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Giáo án. Máy tính, máy chiếu.

- HS: SGK, Vở Luyện viết 2, tập một.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **1. KHỞI ĐỘNG**  - GV cho HS chơi trò chơi “Thượng đế cần”  - GV giới thiệu bài mới  **2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **HĐ 1: Nghe – viết**  GV nêu nhiệm vụ: HS nghe (thầy, cô) đọc, viết lại khổ thơ 3, 4 bài thơ *Tiếng võng kêu*.  - GV đọc mẫu lần 1 khổ 3, 4 bài thơ.  - GV yêu cầu 1 HS đọc lại khổ 3, 4 bài thơ, cả lớp đọc thầm theo.  - GV nói về nội dung và hình thức của bài văn:  + Về nội dung: Khổ thơ 3 và 4 bài thơ *Tiếng võng kêu* là lời bạn nhỏ nói với em bé khi em bé ngủ, thể hiện sự tưởng tượng và quan tâm của bạn nhỏ đối với em mình.  + Về hình thức: Gồm 2 khổ. Khổ 3 có 5 dòng, mỗi dòng 4 tiếng. Khổ 4 có 8 dòng, 6 dòng đầu, mỗi dòng 4 tiếng; hai dòng cuối, mỗi dòng 2 tiếng. Chữ đầu mỗi dòng viết hoa và lùi vào 3 ô li tính từ lề vở. Riêng ba câu cuối: câu thứ nhất lùi vào 5 ô, câu thứ 2 lùi vào 7 ô, câu thứ ba lùi vào 9 ô.  Đọc cho HS viết:  - GV đọc thong thả từng dòng thơ cho HS viết vào vở *Luyện viết 2*. Mỗi dòng đọc 2 hoặc 3 lần (không quá 3 lần). GV theo dõi, uốn nắn HS.  - GV đọc cả bài lần cuối cho HS soát lại.  Chấm, chữa bài:  - GV yêu cầu HS tự chữa lỗi (gạch chân từ viết sai, viết từ đúng bằng bút chì ra lề vở hoặc cuối bài chính tả).  - GV chấm 5 – 7 bài, chiếu bài của HS lên bảng lớp để cả lớp quan sát, nhận xét bài về các mặt nội dung, chữ viết, cách trình bày.  **3. LUYỆN TẬP – THỰC HÀNH**  **HĐ 2: Hoàn thành BT chọn chữ s/ x hoặc vần âc/ ât**  - GV YC HS đọc YC của BT 2, 3 và hoàn thành BT vào VBT.  - GV mời một số HS lên bảng làm bài.  - GV mời một số HS nhận xét bài làm của bạn, trình bày bài làm của mình.  - GV nhận xét, chốt đáp án:  + BT 2: Chọn chữ hoặc vần phù hợp với ô trống  a) Chữ **s** hay **x**?  Đám mây **x**ốp trắng như bông  Ngủ quên dươi đáy hồ trong lúc nào  Nghe con cá đớp ngôi **s**ao  Giật mình, mây thức bay vào rừng xa.  NGUYỄN BAO  b) Vần **âc** hay **ât**?  Đố bạn quả gì to nh**ất**  Quả g**ấc** hay quả thanh trà?  Không! Đó chính là quả đ**ất**  Dành cho t**ất** cả chúng ta.  Theo ĐỊNH HẢI  + BT 3: Chọn chữ hoặc vần phù hợp với ô trống  a) Chữ **s** hay **x**?   * cư xử * sử dụng * nước sôi * xôi nếp   b) Vần **âc** hay **ât**?   * giấc mơ * thật thà * đấu vật * nhấc bổng   **4. VẬN DỤNG**  - Tìm các từ chỉ sự vật bắt đầu bằng s hoặc x  - Nhận xét, dặn dò tiết học | - HS chơi  - HS lắng nghe.  - HS đọc thầm theo.  - 1 HS đọc lại bài thơ trước lớp. Cả lớp đọc thầm theo.  - HS lắng nghe.  - HS nghe – viết.  - HS soát lại.  - HS tự chữa lỗi.  - HS quan sát, lắng nghe.  - HS đọc và hoàn thành BT vào VBT.  - Một số HS lên bảng làm bài.  - Một số HS nhận xét bài làm của bạn, trình bày bài làm của mình.  - HS lắng nghe, sửa bài vào vở. |

*\*Điều chỉnh, bổ sung sau bài dạy:*

…………………………………………………………………………………….

…………………………………………………………………………………….

----------------------------------------------------------------